

# Dell S2719DC

## Sổ tay hướng dẫn sử dụng

Kiểu mẫu Màn hình: S2719DC  
Mẫu quy định: S2719DCt





**LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



**CHÚ Ý:** CHÚ Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



**CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

**Bản quyền © 2018-2020 Dell Inc.** hoặc các công ty con của Dell. Bảo lưu mọi quyền. Dell, EMC, và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của chủ sở hữu tương ứng.

2020 – 11

Sửa đổi A03

# Mục lục

<b>Giới thiệu màn hình</b> . . . . .	<b>5</b>
Nội dung bên trong hộp . . . . .	5
Tính năng sản phẩm. . . . .	6
Nhận diện các tính năng và kiểm soát . . . . .	7
Thông số kỹ thuật màn hình . . . . .	9
Cắm Vào Là Chạy . . . . .	13
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD . . . . .	13
<b>Lắp đặt màn hình</b> . . . . .	<b>14</b>
Kết nối màn hình. . . . .	14
Bố trí cáp . . . . .	17
Sử dụng tính năng xoay nghiêng. . . . .	17
<b>Sử dụng màn hình</b> . . . . .	<b>18</b>
Bật màn hình. . . . .	18
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước. . . . .	18
Nút-mặt trước . . . . .	20
Sử dụng menu màn hình ảo (OSD). . . . .	21
<b>Khắc phục sự cố</b> . . . . .	<b>37</b>
Tự kiểm tra . . . . .	37
Chẩn đoán tích hợp . . . . .	38
Chế độ phục hồi cho HDMI . . . . .	39



Các sự cố thường gặp . . . . .	40
Sự cố liên quan đến sản phẩm . . . . .	41
<b>Phụ lục. . . . .</b>	<b>43</b>
Hướng dẫn an toàn . . . . .	43
Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác . . . . .	43
Liên hệ với Dell . . . . .	43
Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm . . . . .	44
Cài đặt màn hình. . . . .	44
Hướng dẫn bảo dưỡng . . . . .	46
Cách gán châu cắm . . . . .	47



# Giới thiệu màn hình

## Nội dung bên trong hộp

Màn hình của bạn đi kèm các linh kiện được nêu trong bảng. Hãy đảm bảo bạn đã nhận đủ các linh kiện và xem mục [Liên hệ với Dell](#) nếu thiếu linh kiện.

**LƯU Ý:** Một số linh kiện có thể là tùy chọn và có thể không đi kèm với màn hình. Một số tính năng có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Màn hình có chân đứng
	Cáp điện (khác nhau ở mỗi quốc gia)
	Adapter nguồn
	Cáp USB (Loại C tới Loại C)
	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cẩm Nang Hướng Dẫn Khởi Động Nhanh</li><li>• Thông tin về An toàn, Môi trường và Quy định</li></ul>



# Tính năng sản phẩm

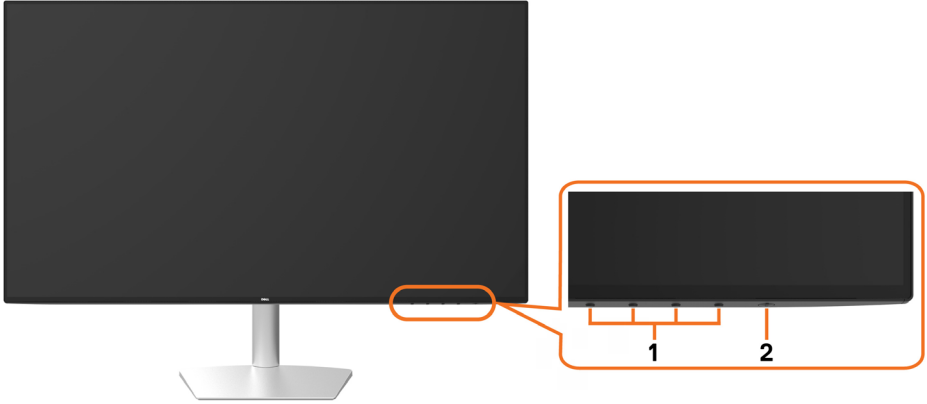
Màn hình **Dell S2719DC** có một màn hình tinh thể lỏng (LCD) tranzito màng mỏng (TFT) ma trận hoạt động và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- Hiển thị vùng xem 68,47 cm (27 inch) (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 2560 x 1440 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Tỷ lệ tương phản động siêu cao (8.000.000:1).
- Góc xem rộng với gam màu lớn.
- Khả năng điều chỉnh nghiêng.
- Sử dụng cổng USB (Loại C) đơn để cấp điện cho laptop tương thích, đồng thời nhận tín hiệu video và dữ liệu USB.
- Tính năng Cắm Là Chạy (Plug and play) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Mang đến sự thoải mái tối đa dành cho mắt với màn hình không nhấp nháy.
- Màn hình phát xạ ánh sáng xanh có thể gây ra tác động lâu dài làm tổn hại mắt, bao gồm hiện tượng mỏi mắt và căng mắt kỹ thuật số. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, giúp mang lại cảm giác dễ chịu tối đa cho mắt người dùng.
- Dải động cao thích ứng phù hợp với việc sử dụng màn hình.
- Hỗ trợ công nghệ AMD FreeSync.
- Các điều chỉnh menu màn hình ảo (OSD) cho phép dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Giảm thành phần CFR/BFR/PVC (Bảng mạch làm từ chất liệu laminate không chứa CFR/BFR/PVC).
- Màn hình được chứng nhận TCO.
- Tuân thủ RoHS.
- Thủy tinh không chứa asen và màn hình không chứa thủy ngân.
- ≤ 0.3 W Ở chế độ Standby.



# Nhận diện các tính năng và kiểm soát

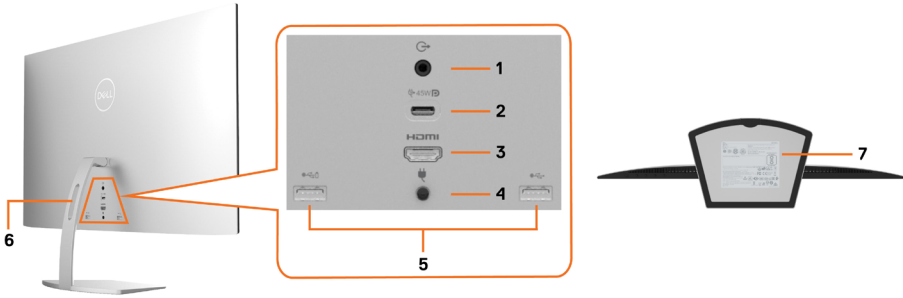
## Mặt trước




Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	<b>Các nút chức năng</b>	Sử dụng các nút chức năng để tùy chỉnh các thông số trên Bảng lựa chọn hiển thị màn hình. (Để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Sử dụng kiểm soát pa nô trước</a> )
2	<b>Nút Power</b>	Nút bật/tắt nguồn (kèm đèn báo LED) Sử dụng nút power để Bật hoặc Tắt màn hình.



## Mặt Sau và Dưới



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng đầu ra âm thanh	Kết nối loa ngoài để phát âm thanh qua kênh âm thanh HDMI. Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh. <b>LƯU Ý:</b> Cổng đầu ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe. <b>⚠ CẢNH BÁO:</b> Áp suất âm thanh quá mức từ các ống nghe hoặc tai nghe có thể làm giảm hoặc mất thính giác.
2	USB Loại C/ CổngHiển thị	Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp USB Loại C. Ngoài ra còn cung cấp tính năng Truyền tải Điện năng lên tới 45 W. <b>LƯU Ý:</b> USB Loại C không được hỗ trợ trên các phiên bản hệ điều hành Windows trước Windows 10.
3	Cổng HDMI	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
4	Cổng Chuyển đổi Điện năng	Kết nối adapter nguồn.
5	Cổng xuôi dòng USB 3.0(2)	Kết nối với USB của bạn. Bạn có thể sử dụng những cổng này sau khi đã kết nối cáp USB (Loại C tới Loại C) từ máy tính tới màn hình. Cổng có dấu  ở biểu tượng pin hỗ trợ Sạc Pin Rev. 1.2.
6	Khe quản lý cáp	Dùng để sắp xếp ác loại áp bằng cách đặt chúng xuyên qua khe ày.
7	Nhãn quy định, Mã vạch, số seri và nhãn Thẻ Dịch vụ	Danh sách phê duyệt pháp lý. Xem nhãn nếu bạn cần liên hệ yêu cầu hỗ trợ kĩ thuật từ Dell. <b>LƯU Ý:</b> Nhãn đánh giá nằm ở chân đế.





# Thông số kỹ thuật màn hình

Mô tả	Giá trị
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận chủ động
Loại bảng điều khiển	Plane To Line Switching (Chuyển hướng từ mặt phẳng đến dòng)
Khuôn Dạng	16:9
Kích thước hình có thể xem:	
Chéo	684,70 mm (27 inch)
Vùng hoạt động:	
Ngang	596,74 mm (23,49 inch)
Dọc	335,66 mm (13,21 inch)
Vùng	200301,75 mm <sup>2</sup> (310,47 inch <sup>2</sup> )
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,233 mm x 0,233 mm
Điểm Ảnh Mỗi Inch (PPI)	109
Góc xem:	
Dọc	178° (chuẩn)
Ngang	178° (chuẩn)
Độ sáng	400 cd/m <sup>2</sup> (chuẩn) 600 cd/m <sup>2</sup> (đỉnh)
Tỷ lệ tương phản	1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (độ tương phản động siêu cao đang bật)
Lớp phủ bề mặt	Xử lý chống lóa cho bộ phận cực phía trước (3H)
Đèn nền	Hệ thống ĐÈN VIỀN LED trắng
Thời gian đáp ứng (Xám sang Xám)	• 5 ms (chế độ nhanh) • 8 ms (Chế độ THƯỜNG)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	sRGB 1931 bao phủ ≥ 99% DCI-P3 1976 bao phủ ≥ 90%
Khả năng kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 cổng HDMI 2.0 với chuẩn HDCP 2.2 (kết hợp HDMI 1.4 với chuẩn HDCP 1.4)</li> <li>• 2 cổng USB 3.0 xuôi dòng</li> <li>• 1 đầu ra âm thanh analog (giắc cắm 3.5mm)</li> <li>• 1 cổng USB Loại C (Chế độ Alternate với DP1.2, Cổng USB lắp vào máy tính 3.1, Sạc qua cổng USB lên tới 45W)</li> </ul>
Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động):	
Đỉnh	7,10 mm (0,28 inch)
Trái/Phải	7,10 mm (0,28 inch)



Đáy	8,00 mm (0,31 inch)
Khả năng điều chỉnh	
Nghiêng	-5° - 21°
Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell (DDM)	Bổ trí dễ dàng và các tính năng chính khác

## Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mô tả	Giá trị
Dải quét ngang	30 kHz - 120 kHz (HDMI 1.4/USB Loại C) 30 kHz - 140 kHz (HDMI 2.0)
Dải quét dọc	48 Hz - 75 Hz (HDMI 1.4/HDMI 2.0/USB Loại C)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	2560 x 1440 ở tần số 60 Hz
Khả năng nhận video (Phát lại qua HDMI/USB Loại C)	480p, 576p, 720p, 1080p (HDMI 1.4/HDMI 2.0/USB Loại C) 2160p (HDMI 2.0)

## Chế độ hiển thị cài sẵn



Chế độ hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
720 x 400	31,5	70,0	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600x 1200	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
CVT, 2560 x 1440	88,8	60,0	241,5	+/-



# Thông số kỹ thuật điện

Mô tả	Giá trị
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tín hiệu video số cho từng dòng khác biệt.</li> <li>Trên mỗi dòng khác biệt với trở kháng 100 ohm.</li> <li>Hỗ trợ đầu vào tín hiệu HDMI/USB Loại C</li> </ul>

Adapter AC/DC (điện xoay chiều/một chiều):	
Điện áp/ tần số/dòng điện đầu vào	100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,80 A (tối đa)
Điện áp/dòng điện đầu ra	Điện một chiều 19,50 V / 6,67 A
Dòng điện khởi động	Dòng điện Xung kích Ban đầu: 140 A (tối đa) Tại 115 VAC/230 VAC, các thông số hiển thị dành cho Lần sạc pin đầu tiên (Ngủ)

Nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Mẫu	Cực
Dell	Delta	DA130PM130	
Dell	Chicony	HA130PM130	

Mức Tiêu Thụ Điện Năng	0.3 W (Chế Độ Tắt) <sup>1</sup> 0.3 W (Chế Độ Chờ) <sup>1</sup> 23.8 W (Chế Độ Bật) <sup>1</sup> 130 W (tối đa) <sup>2</sup> 21.46 W (P <sub>on</sub> ) <sup>3</sup> 68.59 kWh (TEC) <sup>3</sup>
------------------------	--

<sup>1</sup> Theo như được chỉ định tại EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

<sup>2</sup> Cài đặt độ tương phản và độ sáng tối đa kèm theo đó là mức tải điện cao nhất trên tất cả các cổng USB.

<sup>3</sup> P<sub>on</sub>: Mức tiêu thụ điện năng khi ở Chế Độ Bật được đo theo phương pháp kiểm định Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện năng tính bằng kWh được đo theo phương pháp kiểm định Energy Star.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi tùy theo phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn sử dụng, chúng tôi không có nghĩa vụ phải cập nhật các thông tin đó. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc các yếu tố khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.



## Đặc tính vật lý

Loại đầu cắm	<ul style="list-style-type: none"><li>• HDMI 2.0</li><li>• Đầu ra âm thanh</li><li>• USB Loại C</li><li>• cắm xuôi dòng USB 3.0</li></ul>
Loại cáp tín hiệu	Cáp USB Loại C tới Loại C 1,8 m
Kích thước (có giá đỡ):	
Chiều cao (thu ngắn)	452,70 mm (17,82 inch)
Chiều rộng	610,90 mm (24,05 inch)
Độ dày	157,60 mm (6,20 inch)
Kích thước (không có giá đỡ):	
Chiều cao	354,10 mm (13,94 inches)
Chiều rộng	610,90 mm (24,05 inches)
Độ dày	29,00 mm (1,14 inches)
Kích thước giá đỡ:	
Chiều cao (thu ngắn)	227,70 mm (8,96 inches)
Chiều rộng	228,30 mm (8,99 inches)
Độ dày	157,60 mm (6,20 inches)
Trọng lượng:	
Kèm thùng đựng	8,26 kg (18,21 pound)
Kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	5,16 kg (11,38 pound)

## Đặc tính môi trường

Nhiệt độ:	
Hoạt động	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
Không hoạt động	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
Độ ẩm:	
Hoạt động	20% - 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	10% - 90% (không ngưng tụ)
Độ cao:	
Hoạt động	5,000 m (16,404 foot) (tối đa)
Không hoạt động	12,192 m (40,000 foot) (tối đa)
Công suất tản nhiệt	443,53 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 81,21 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế Độ Bật)



## Cắm Vào Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình ở bất kỳ hệ thống nào tương thích chuẩn Plug-and-Play (Cắm Vào Là Chạy). Màn hình sẽ tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Hiển Thị Dữ Liệu (DDC) để máy tính có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

## Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình LCD, vào trang Hỗ trợ của Dell tại:

<https://www.dell.com/support/monitors>.



# Lắp đặt màn hình

---

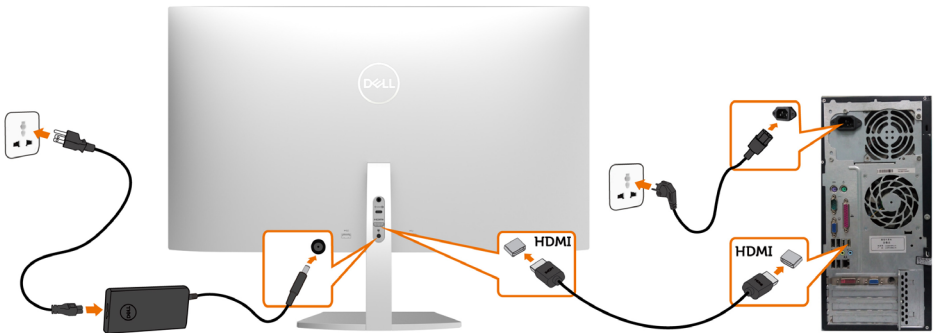
## Kết nối màn hình

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ **Hướng dẫn an toàn.**

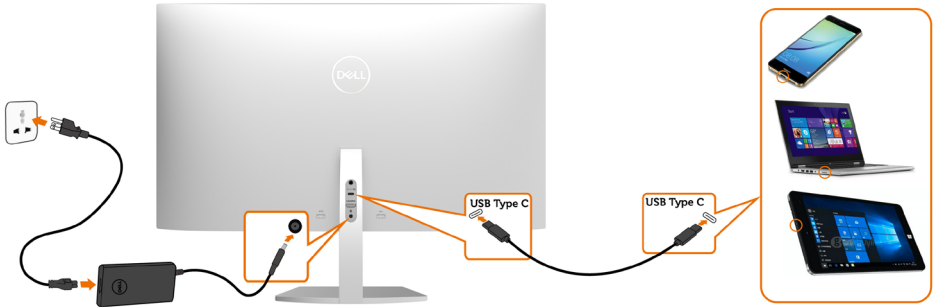
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

- 1 Tắt máy tính.
- 2 Cắm cáp HDMI/USB Loại C từ màn hình vào máy tính.
- 3 Bật màn hình.
- 4 Chọn nguồn đầu vào thích hợp trong Menu OSD của màn hình trên máy tính.

## Kết nối cáp HDMI (tùy chọn)



# Kết nối cáp USB (Loại C tới Loại C)



Cổng USB Loại C trên màn hình của bạn.

- Có thể được sử dụng như USB Loại C hoặc DisplayPort 1.2.
- Hỗ trợ tính năng Truyền tải Điện năng (PD) của USB với công suất lên tới 45 W.

**LƯU Ý:** Dù yêu cầu điện năng/tiêu thụ điện năng của laptop của bạn, hay thời gian sử dụng điện năng còn lại trong pin là bao nhiêu, màn hình Dell S2719DC được thiết kế để truyền tải điện năng lên tới 45 W tới laptop của bạn.

Điện năng (trên các laptop có cổng USB Loại C với chức năng Truyền tải Điện năng)	Điện năng sạc tối đa
45 W	45 W
65 W	45 W
90 W	Không hỗ trợ
130 W	Không hỗ trợ



# Yêu cầu cần có để xem hoặc phát lại nội dung HDR

## Thông qua Ultra BluRay DVD hoặc trình giao tiếp Game


Hãy đảm bảo rằng đầu DVD và trình giao tiếp Game của bạn tương thích với HDR (ví dụ Panasonic DMP-UB900, Microsoft Xbox One S, và Sony PS4 Pro). Tải xuống và lắp đặt một trình điều khiển thẻ đồ họa cho các ứng dụng máy tính.

## Thông qua máy tính hỗ trợ nội dung HDR.

Hãy đảm bảo rằng thẻ đồ họa được sử dụng tương thích với HDR (HDMI phiên bản 2.0a tương thích với HDR), đồng thời đảm bảo rằng trình điều khiển đồ họa HDR được lắp đặt. Ứng dụng người chơi tương thích với HDR phải được sử dụng, ví dụ Cyberlink PowerDVD 17, ứng dụng Microsoft Movies & TV.

Ví dụ: DELL XPS 8910 và Alienware Aurora R5 có đi kèm với các loại card đồ họa sau.

<b>Trình điều khiển Đồ họa DELL có hỗ trợ HDR</b>	Để tải xuống trình điều khiển đồ họa mới nhất có hỗ trợ phát lại HDR trên máy tính bàn hoặc laptop, hãy truy cập trang Hỗ trợ của Dell tại <a href="https://www.dell.com/support/monitors">https://www.dell.com/support/monitors</a> .
<b>Nvidia</b>	Cạc đồ họa Nvidia có tương thích HDR: GTX1070, GTX1080, P5000, P6000, v.v. Để xem toàn bộ các mẫu cạc đồ họa có tương thích HDR của Nvidia, vui lòng truy cập trang web của Nvidia tại địa chỉ <a href="https://www.nvidia.com">https://www.nvidia.com</a> . Trình điều khiển hỗ trợ chế độ Trình phát toàn màn hình (ví dụ như trò chơi trên PC, đầu đọc UltraBluRay), trình điều khiển tương thích HDR trên hệ điều hành Win10 Redstone 2: phiên bản 384.76 hoặc mới hơn.
<b>AMD</b>	Cạc đồ họa AMD tương thích HDR: RX480, RX470, RX460, WX7100, WX5100, WX4100, v.v. Để xem toàn bộ các mẫu cạc đồ họa có tương thích HDR của AMD, vui lòng truy cập trang web <a href="https://www.nvidia.com">https://www.nvidia.com</a> . Kiểm tra thông tin hỗ trợ của trình điều khiển tương thích HDR và tải về phiên bản mới nhất từ trang web <a href="https://www.amd.com">https://www.amd.com</a> .
<b>Intel (Đồ họa Tích hợp)</b>	Hệ thống tích hợp tương thích HDR: CannonLake hoặc mới hơn. Trình phát có tương thích HDR thích hợp: Windows 10 Movies và Ứng dụng TV Hệ điều hành có hỗ trợ HDR: Windows 10 Redstone 3 Trình điều khiển có hỗ trợ HDR: Để biết thêm thông tin về các trình điều khiển HDR mới nhất, truy cập <a href="https://downloadcenter.intel.com">https://downloadcenter.intel.com</a> .

 **LƯU Ý:** Trình phát nội dung HDR thông qua hệ điều hành (ví dụ trình phát nội dung HDR trong một cửa sổ trong máy tính đặt bàn) đòi hỏi phiên bản hệ điều hành Win 10 Redstone 2 hoặc mới hơn có cài đặt ứng dụng trình phát thích hợp (ví dụ như PowerDVD17). Nội dung trình phát được bảo vệ sẽ đòi hỏi phần mềm và/hoặc phần cứng Quản lý quyền kỹ thuật số (DRM) thích hợp (như Microsoft Playready™). Vui lòng truy cập trang web của Microsoft để có được các thông tin hỗ trợ về HDR.





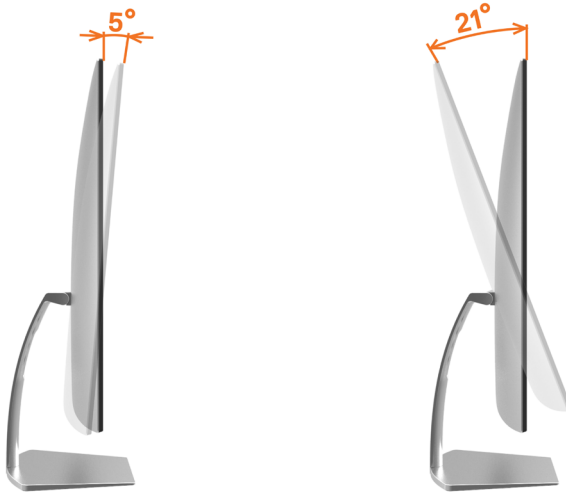
## Bố trí cáp

Sau khi nối các dây cáp cần thiết với màn hình và máy tính của bạn, hãy sắp xếp các dây cáp như hình vẽ. Để biết thêm thông tin về cách nối cáp, xem mục [Kết nối màn hình của bạn](#).



## Sử dụng tính năng xoay nghiêng


Bạn có thể quay màn hình về góc xem thoải mái nhất.

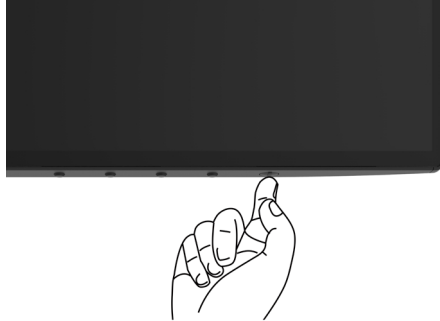


# Sử dụng màn hình

---

## Bật màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.







## Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút kiểm soát ở phía cuối màn hình để tùy chỉnh các đặc điểm của hình ảnh được hiển thị. Khi bạn sử dụng những nút này để tùy chỉnh kiểm soát, bảng OSD sẽ hiển thị các giá trị số của đặc điểm tương ứng với các thay đổi.



Bảng sau mô tả các nút ở mặt trước.





Nhân	Mô tả	Sử dụng
1	 <p><b>Nút tắt:</b> <b>Chế độ cài sẵn</b></p>	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.
2	 <p><b>Nút tắt:</b> <b>Độ sáng/Độ tương phản</b></p>	Dùng nút này để truy cập trực tiếp menu “Độ sáng/Độ tương phản”.
3	 <p><b>Menu</b></p>	Dùng nút menu này để bật màn hình ảo (OSD) và chọn menu OSD. Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
4	 <p><b>Thoát</b></p>	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
5	 <p><b>Nút Nguồn(có đèn báo trạng thái nguồn)</b></p>	Để bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Standby.



# Nút-mặt trước

Sử dụng các nút kiểm soát phía cuối màn hình để tùy chỉnh cài đặt hình ảnh.





Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	 <b>Lên</b>  <b>Xuống</b>	Dùng các nút <b>Lên</b> (tăng) và <b>Xuống</b> (giảm) để chỉnh các mục trong menu OSD.
2	 <b>OK</b>	Dùng nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn của bạn.
3	 <b>Trở về</b>	Dùng nút <b>Trở về</b> để trở về menu trước.















# Sử dụng menu màn hình ảo (OSD)

## Truy cập hệ thống menu

 **LƯU Ý:** Mọi thay đổi mà bạn thực hiện qua menu OSD sẽ được lưu lại tự động nếu bạn chuyển sang menu OSD khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD biến mất.

- 1 Nhấn nút  để bật menu OSD và hiển thị menu chính.



- 2 Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
- 3 Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa bôi đậm.
- 4 Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
- 5 Nhấn  để vào thanh trượt rồi sử dụng nút  hoặc  theo các chỉ báo trên menu để thực hiện thay đổi.
- 6 Chọn  để lưu thiết lập hiện tại và quay lại trình đơn trước hoặc chọn  để chấp nhận và quay lại trình đơn trước.



**Biểu tượng**

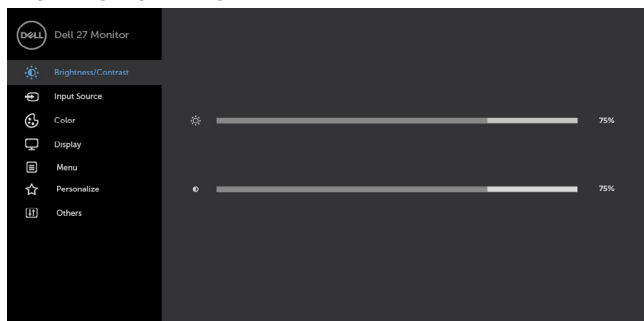
**Menu và menu phụ**

**Mô tả**



**Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**


Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.




**Brightness (Độ sáng)**

**Brightness (Độ sáng)** giúp chỉnh độ sáng của đèn nền (tối thiểu 0; tối đa 100).



Nhấn nút  để tăng độ sáng.

Nhấn nút  để giảm độ sáng.

 **LƯU Ý:** Điều chỉnh Ánh sáng bằng tay bị vô hiệu hóa khi bật Tương phản động/HDR.

**Contrast (Độ tương phản)**

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước rồi chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần chỉnh thêm.

Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (0 ~ 100).

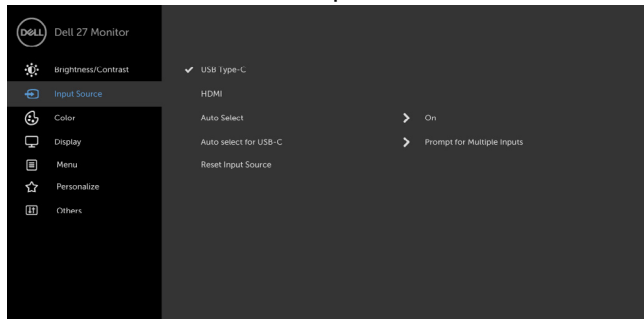
Độ tương phản giúp điều chỉnh sự khác biệt giữa bóng tối và ánh sáng trên màn hình.








**Input Source (Nguồn vào)**

Dùng menu **Input Source (Nguồn vào)** để chọn giữa các đầu vào video khác nhau có thể được kết nối với màn hình.



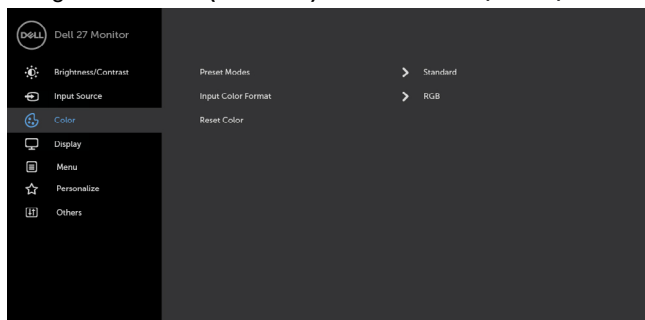
<b>USB Loại C</b>	Chọn đầu vào <b>USB Loại C</b> khi bạn đang sử dụng đầu cắm USB Loại C. Dùng  để chọn nguồn vào USB Loại C.
<b>HDMI</b>	Chọn đầu vào <b>HDMI</b> khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Dùng  để chọn nguồn vào HDMI.
<b>Auto Select (Chọn tự động)</b>	Sử dụng  để chọn Tự động Lựa chọn, màn hình sẽ quét các nguồn đầu vào sẵn có.
<b>Lựa chọn tự động USB-C</b>	Cho phép bạn thiết lập Lựa chọn tự động cho USB-C tới: <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Nhắc khi có nhiều nguồn:</b> luôn hiển thị thông báo Chuyển sang đầu vào USB-C Video cho người dùng để họ lựa chọn chuyển hoặc không.</li><li>• <b>Có:</b> Mạch đếm gộp luôn chuyển qua USB-C video mà không hỏi khi USB-C kết nối.</li><li>• <b>Không:</b> Mạch đếm gộp sẽ KHÔNG tự động chuyển sang USB-C video từ một nguồn có sẵn khác.</li></ul>
<b>Reset Input Source (Thiết lập lại Nguồn vào)</b>	Thiết lập lại các <b>Nguồn vào</b> của màn hình về giá trị mặc định gốc.





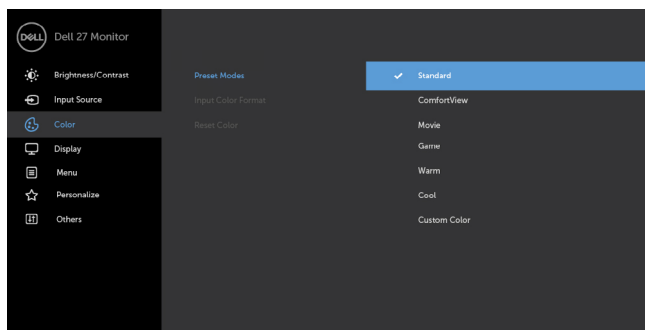
**Color (Màu sắc)**

Dùng menu **Color (Màu sắc)** để chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.







**Preset Mode (Chế độ cài sẵn)**

Khi bạn chọn các Chế độ đặt sẵn, bạn có thể chọn **Tiêu chuẩn, ComfortView (Xem thoải mái), Phim, Trò chơi, Nóng, Lạnh** hoặc **Màu tùy chỉnh** từ danh sách.





- **Standard (Chuẩn):** Cài đặt màu mặc định. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView (Xem thoải mái):** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.  
 **LƯU Ý:** Để giảm nguy cơ căng mắt cũng như đau cổ/cánh tay/lưng/vai khi sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên người dùng nên:
  - Đặt màn hình cách xa mắt khoảng 50-70 cm(20 đến 28 inch).
  - Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt khi làm việc trước màn hình.
  - Cứ sau mỗi hai tiếng làm việc thì lại nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn trong khoảng 20 phút.
  - Nhìn ra ngoài màn hình và tập trung vào một vật ở xa cách khoảng 6 mét trong ít nhất 20 giây khi giải lao.
  - Vươn duỗi cơ thể để giải tỏa căng cơ ở vùng cổ/cánh tay/lưng/vai khi giải lao.
- **Phim:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho phim.
- **Trò chơi:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi trò chơi.
- **Warm (Nóng):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- **Cool (Nguội):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị mát hơn với sắc xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn tự chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn nút  và  để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.  
 **LƯU Ý:** Khi BẬT Smart HDR, các chế độ đặt sẵn Xem phim và Trò chơi sẽ hoạt động cùng với tính năng tối mờ cục bộ ở đèn nền.



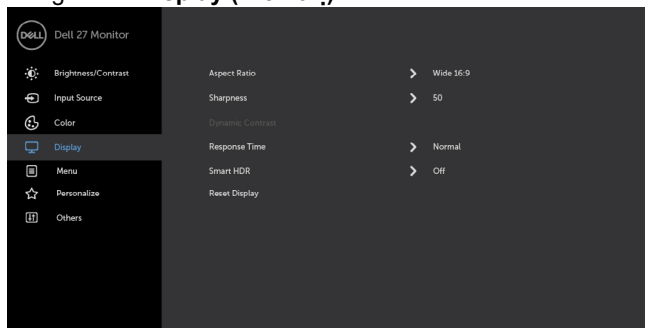
Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
	<b>Input Color Format</b> (Định dạng màu sắc đầu vào)	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>RGB:</b> Chọn lựa chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với một máy tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp HDMI/USB Loại C.</li> <li>• <b>YPbPr:</b> Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.</li> </ul> 
	<b>Hue</b> (Tổng màu)	<p>Dùng  hoặc  để chỉnh tông màu từ mức '0' đến '100'.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Tính năng chỉnh tông màu chỉ có sẵn ở chế độ Phim và Trò chơi.</p>
	<b>Saturation</b> (Độ bão hòa)	<p>Dùng  hoặc  để chỉnh độ bão hòa từ mức '0' đến '100'.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Tính năng chỉnh Độ bão hòa có sẵn ở chế độ Phim và Trò chơi.</p>
	<b>Reset Color</b> (Thiết lập lại cài đặt màu sắc)	<p>Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.</p>





**Display (Hiện thị)**

Dùng menu **Display (Hiện thị)** để chỉnh hình ảnh.



**Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)**

Điều chỉnh tỉ lệ màn hình về **Rộng 16:9**, **4:3** hoặc **5:4**.

**Sharpness (Độ sắc nét)**

Giúp hình ảnh thêm sắc nét hoặc mềm mại.

Sử dụng hoặc để tùy chỉnh độ nét từ '0' đến '100' và màn hình sẽ rõ nét hơn.

**Dynamic Contrast (Độ tương phản động)**

Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.

Nhấn nút để chuyển **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** sang "On" (Bật) hoặc "Off" (Tắt).






**LƯU Ý:** Chỉ dành cho chế độ cài đặt trước Trò Chơi và Phim.

**LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** cung cấp độ phân giải cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**.

**Response Time (Thời gian đáp ứng)**

Cho phép bạn cài **Response Time (Thời gian đáp ứng)** sang **Normal (Thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.



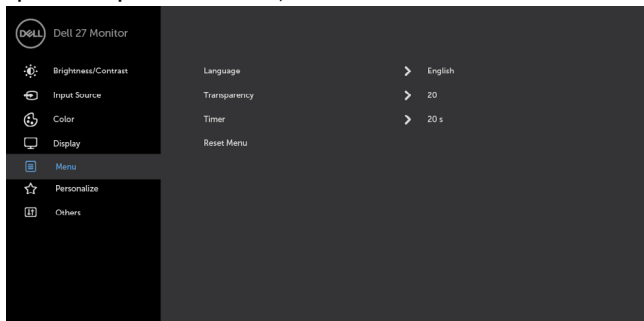
Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
	Smart HDR	<p>Nhấn nút  để chuyển đổi tính năng <b>Smart HDR</b> giữa các chế độ <b>Desktop</b>, <b>Movie HDR</b>, <b>Game HDR</b>, <b>Reference</b> và <b>Off</b>. Tính năng Smart HDR (Giải Tương Phản Động Mở Rộng) tự động tăng cường hiển thị bằng cách điều chỉnh các cài đặt tối ưu sao cho giống với hình ảnh thực nhất.</p> <p><b>Desktop:</b> Đây là chế độ mặc định. Chế độ này phù hợp cho các mục đích sử dụng chung của một màn hình máy tính để bàn.</p> <p><b>Movie HDR:</b> Sử dụng chế độ này khi phát nội dung video HDR để nâng tỉ lệ tương phản, độ sáng và bảng màu. Mang đến trải nghiệm xem video chất lượng hình ảnh như thật.</p> <p><b>Game HDR:</b> Sử dụng chế độ này khi chơi game hỗ trợ HDR để nâng cao tỉ lệ tương phản, độ sáng và bảng màu. Mang đến trải nghiệm chơi game chân thực hơn, như đúng thiết kế của nhà phát triển game.</p> <p><b>Reference:</b> Hiển thị tốt nhất những nội dung tuân thủ tiêu chuẩn DisplayHDR.</p> <p><b>Off:</b> Tắt tính năng Smart HDR.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Chức năng này chỉ khả dụng khi phát hiện có tín hiệu HDMI. Khi màn hình đang xử lý nội dung HDR, Chế độ đặt sẵn, Độ sáng và Độ tương phản động sẽ bị vô hiệu hóa.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Độ sáng tối đa có thể đạt được trong chế độ HDR là 600 nit (chuẩn). Giá trị và khoảng thời gian thực tế trong khi phát lại HDR có thể thay đổi tùy theo nội dung video.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> HDMI chuyển qua phiên bản 2.0 khi một trong những chế độ Smart HDR được chọn. HDMI chuyển qua phiên bản 1/4 khi tính năng Smart HDR tắt.</p> <p> <b>LƯU Ý:</b> Các chế độ HDR chỉ được hỗ trợ cho đầu vào HDMI. Các tùy chọn sẽ ở trạng thái không hoạt động (màu xám) cho đến khi các đầu vào video HDMI trở nên hiện hoạt. USB loại C (Chế độ thay phiên với DP1.2) không hỗ trợ chế độ HDR.</p>
	Reset Display (Thiết lập lại cài đặt hiển thị)	Phục hồi cài đặt màn hình về các giá trị mặc định gốc.





**Menu**

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



**Language (Ngôn ngữ)**

Cài menu hiển thị OSD sang một trong 8 ngôn ngữ.

Nhãn	Ngôn ngữ
1	Tiếng Anh
2	Tiếng Tây Ban Nha
3	Tiếng Pháp
4	Tiếng Đức
5	Tiếng Bồ Đào Nha Brazil
6	Tiếng Nga
7	Tiếng Hoa Giản Thể
8	Tiếng Nhật

**Transparency (Độ trong suốt)**

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt của menu bằng cách dùng và (tối thiểu 0%/tối đa 100%).

**Timer (Hẹn giờ)**

**OSD Hold Time (Giờ giữ menu OSD):** Cài thời lượng mà menu OSD tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút.

Dùng nút và để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây từ 5 đến 60 giây.

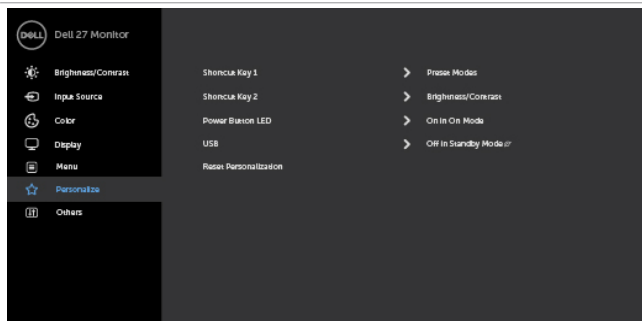
**Reset Menu (Thiết lập lại cài đặt menu)**

Phục hồi các cài đặt menu về giá trị mặc định gốc.





**Personalize (Cá nhân hóa)**



**Phím tắt 1**

Chọn giữa **Chế độ cài sẵn** , **Độ sáng/Tương phản**, **Nguồn vào**, **Tỉ lệ màn hình**, **Smart HDR** để đặt làm phím tắt 1.

**Phím tắt 2**


Chọn giữa **Chế độ cài sẵn** , **Độ sáng/Tương phản**, **Nguồn vào**, **Tỉ lệ màn hình**, **Smart HDR** để đặt làm phím tắt 2.

**Power Button LED (Đèn LED nguồn)**

Cho phép bạn cài trạng thái đèn nguồn để tiết kiệm năng lượng.

**USB**

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng sạc USB trong chế độ chờ của màn hình.

 **LƯU Ý:** BẬT/TẮT USB ở chế độ chờ chỉ khả dụng khi tháo cáp USB Loại-C. Lựa chọn này sẽ chuyển màu xám khi cắm cáp USB Loại-C.

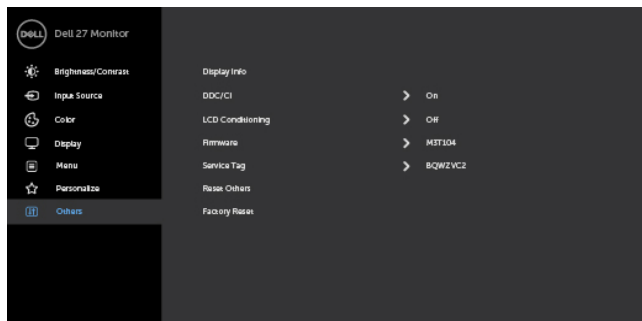
**Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)**

Phục hồi Phím lối tắt và Nút nguồn LED về mặc định ban đầu.





Other (Khác)



Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt OSD như **DDC/CI**, **LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD)**, v.v...

**Hiển thị thông tin**

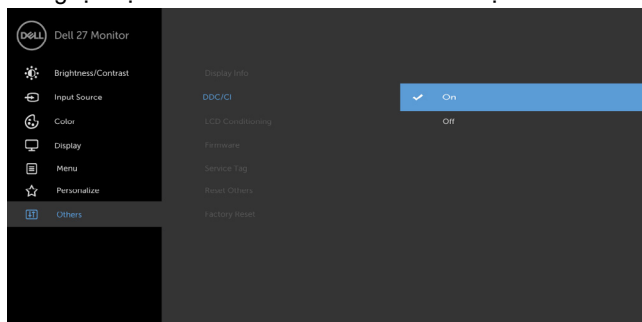
Hiển thị cài đặt hiện tại của màn hình.

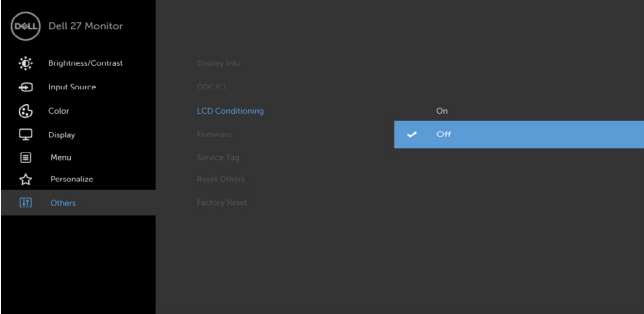

**DDC/CI**

**DDC/CI** (Kênh hiển thị dữ liệu/Giao diện lệnh) cho phép bạn chỉnh cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính.

Chọn **(Off) Tắt** để tắt tính năng này.

Bật chức năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



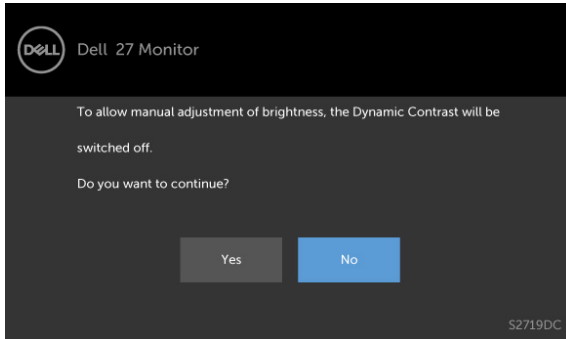
Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
	<b>LCD Conditioning</b> (Điều tiết màn hình LCD)	Giúp giảm bớt các trường hợp giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ giữ ảnh, chương trình có thể cần thời gian để khởi động. Chọn <b>(On) Bật</b> để bắt đầu quy trình.
		 <p>The screenshot shows the Dell OSD menu for a Dell 27 Monitor. The 'LCD Conditioning' option is highlighted in blue, and its status is set to 'Off'. The menu also includes options for Brightness/Contrast, Input Source, Color, Display, Menu, Personalize, and Others.</p>
	<b>Firmware</b>	Phiên bản firmware
	<b>Thẻ dịch vụ</b>	Hiển thị thẻ dịch vụ. Thẻ dịch vụ là một mã nhận diện gồm chữ và số duy nhất cho phép Dell xác định các thông số kỹ thuật của sản phẩm và truy cập thông tin bảo hành. <p> <b>LƯU Ý:</b> Thẻ dịch vụ cũng được in trên nhãn dán ở chân đế.</p>
	<b>Reset Other</b> (Thiết lập lại cài đặt khác)	Phục hồi các cài đặt khác như <b>DDC/CI</b> về giá trị mặc định gốc.
	<b>Factory Reset</b> (Cài về mặc định gốc)	Phục hồi mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.



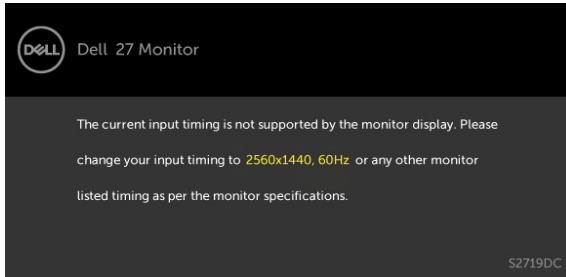


## Thông tin cảnh báo OSD

Khi tính năng Tương phản Động được kích hoạt ở các chế độ cài đặt trước (Game hoặc Phim), tùy chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị vô hiệu hoá, thông báo sau sẽ hiển thị.

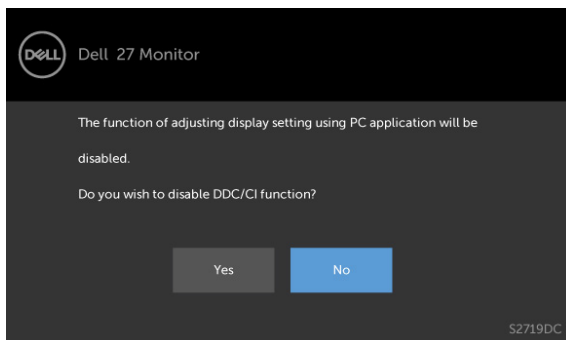


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, thông báo sau sẽ hiển thị.

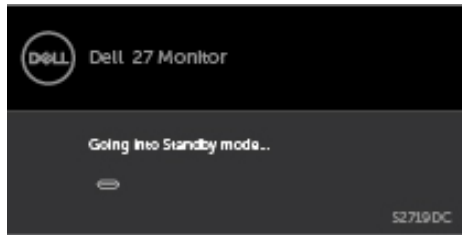


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết biên độ tần số Ngang và Dọc mà màn hình này hỗ trợ truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 2560 x 1440.

Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi tắt chức năng DDC/CI.

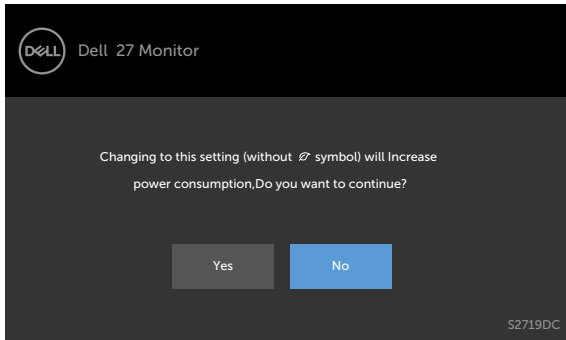


Khi màn hình hiển thị chuyển sang chế độ Chờ, thông báo sau đây sẽ hiện ra:

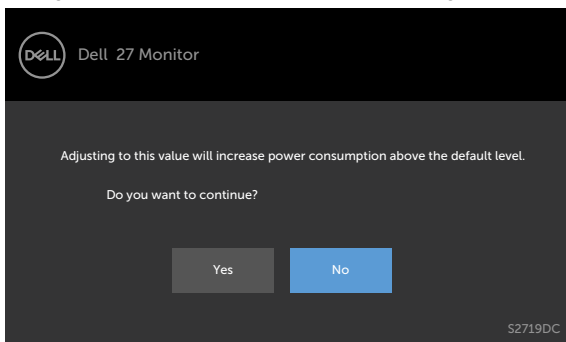


Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập menu OSD.

Chọn các mục Bật ở Chế Độ Chờ trên OSD ở phần Tùy Biến Cá Nhân, thông báo sau đây sẽ hiện ra:

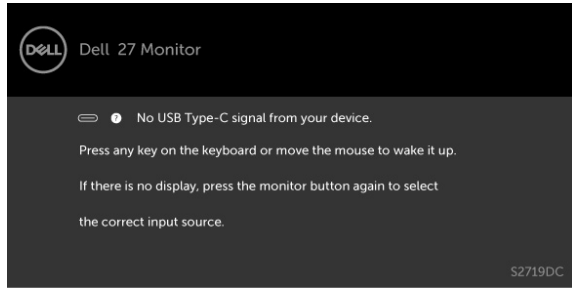


Nếu điều chỉnh Độ Sáng vượt mức mặc định trên 75%, thông báo sau đây sẽ hiện ra:

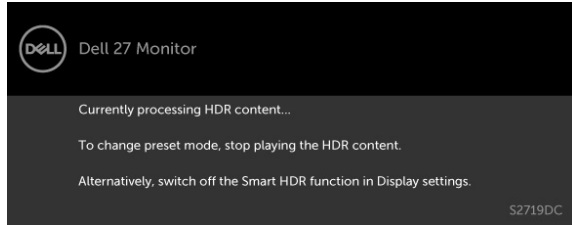


Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn thì một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy lựa chọn đầu vào:

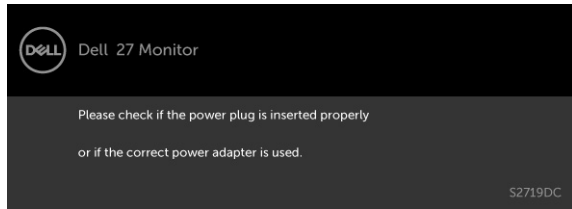




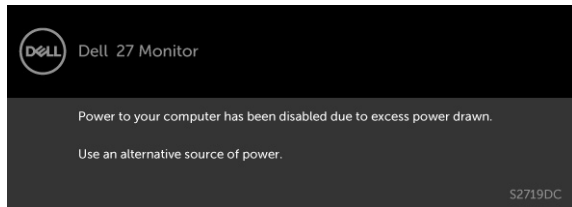
Khi người dùng cố gắng thay đổi chế độ cài sẵn trong lúc đang BẬT Smart HDR, thông báo sau sẽ hiển thị.



Khi sử dụng Adapter không đúng hoặc kết nối Adapter ngoại lệ, thông báo sau sẽ hiển thị.



Khi điện năng sạc của laptop từ USB Loại C vượt quá 45 W, thông báo sau sẽ hiển thị.

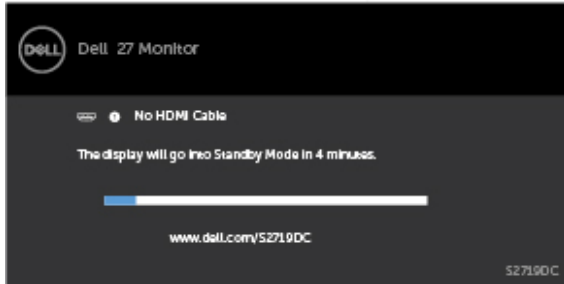


Nếu đã chọn đầu vào USB Loại C hoặc HDMI và chưa kết nối cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



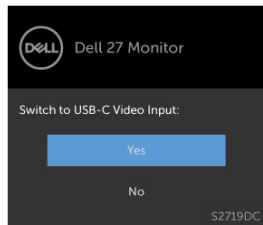


hoặc



Thông báo hiển thị khi cáp hỗ trợ chế độ luân phiên DP được kết nối với màn hình theo các điều kiện sau:

- Khi Tự động chọn đối với USB-C được đặt là Nhắc cho nhiều đầu vào.
- Khi cáp HDMI được nối với màn hình.



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



# Khắc phục sự cố

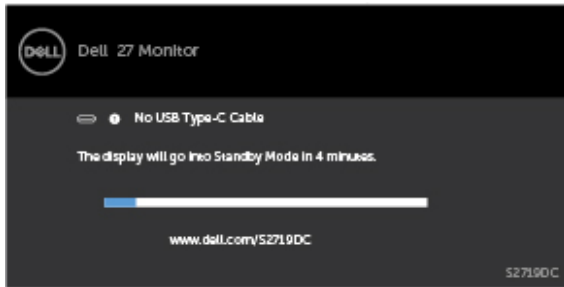
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

## Tự kiểm tra

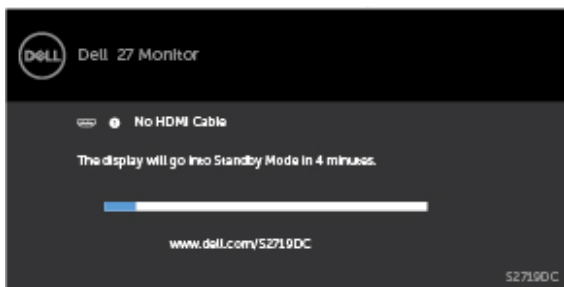
Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng cách hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

- 1 Tắt máy tính lẫn màn hình.
- 2 Rút cáp video ra khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng thao tác Tự kiểm tra đúng cách, hãy rút tất cả các cáp kỹ thuật số và tương tự ra khỏi mặt sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (trên phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động đúng cách. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.



hoặc



- 4 Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi thao tác hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- 5 Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật máy tính lẫn màn hình.

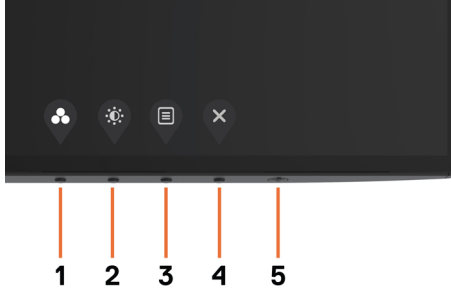


Nếu màn hình vẫn trống sau khi áp dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng cách.

## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.

**LƯU Ý:** Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

- 1 Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi bám trên bề mặt).
- 2 Rút (các) cáp video ra khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
- 3 Nhấn và giữ Nút 1 trong 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
- 4 Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
- 5 Nhấn lại **Nút 1** ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
- 6 Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
- 7 Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình văn bản lục, lam, đen và trắng.

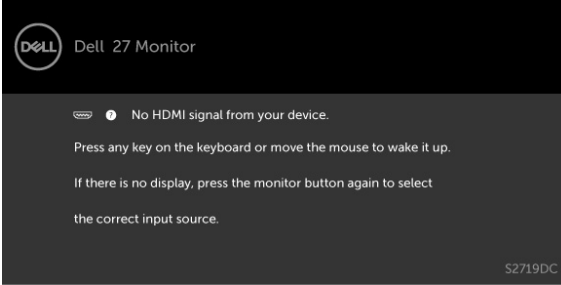
Quy trình kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**. Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.



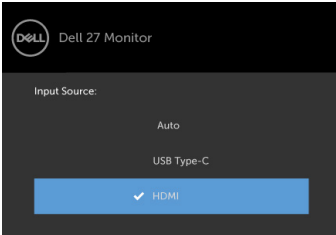
# Chế độ phục hồi cho HDMI




Màn hình của bạn có cơ chế an toàn khôi phục phiên bản HDMI. HDMI chuyển sang phiên bản 2.0 khi một trong những chế độ Smart HDR được chọn. Nếu màn hình bị trống sau khi chuyển sang HDMI phiên bản 2.0, hãy thực hiện các bước sau để chuyển về HDMI phiên bản 1.4:


- 1 Nhấn bất kỳ nút menu nào để đánh thức màn hình.

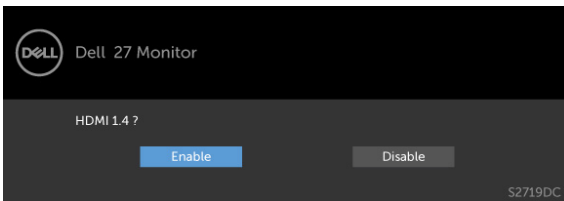


- 2 Nhấn bất kỳ nút menu nào để bật menu chọn nguồn vào.



- 3 Sử dụng nút  và  để chọn cổng HDMI hiện tại, sau đó nhấn nút  và giữ 8 giây để bật hộp thoại an toàn HDMI 1.4.

- 4 Nhấn nút  để bật HDMI phiên bản 1.4.



# Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng chung	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ Đèn LED nguồn tắt	Không có hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li><li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hết.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu <a href="#">Nguồn đầu vào</a>.</li><li>• Nếu phiên bản HDMI hiện tại là 2.0, chuyển sang 1.4.</li></ul>
Không có video/ Đèn LED nguồn bật	Không có hình hoặc không sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng mức chỉnh độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li><li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.</li><li>• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.</li><li>• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu <a href="#">Nguồn đầu vào</a>.</li></ul>
Điểm ảnh thiếu hoặc Điểm ảnh kẹt	Màn hình LCD có các chấm	<ul style="list-style-type: none"><li>• Vòng điện năng. Tắt màn hình và máy tính, sau đó bật lại.</li><li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vào trang Hỗ trợ của Dell tại: <a href="https://www.dell.com/support/monitors">https://www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>
Sự cố độ sáng	Hình quá mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.</li><li>• Chỉnh các mức độ sáng &amp; độ tương phản qua menu OSD.</li></ul>
Sự cố liên quan đến an toàn	Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"><li>• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li><li>• Liên hệ ngay với Dell.</li></ul>
Sự cố gián đoạn	Giám sát hồng học bật & tắt	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li><li>• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.</li><li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li></ul>
Các vấn đề với HDR	Không thể thiết đặt giải pháp GFX vào chế độ HDR sau khi chuyển sang chế độ Desktop/ Movie HDR/Game HDR/Reference Presets	<ul style="list-style-type: none"><li>• Hãy đảm bảo Máy tính cá nhân (PC) hoặc giải pháp đồ họa đáp ứng các yêu cầu trình phát HDR tối thiểu và cài đặt driver phần mềm mới nhất cho thẻ đồ họa.</li><li>• Đảm bảo sử dụng cáp HDMI 2.0 đi kèm với sản phẩm.</li><li>• Nếu các bước trên đều thất bại, hãy chọn độ phân giải 3840 x 2160 trong Thuộc tính Màn hình để buộc cho ra tín hiệu HDR đúng.</li></ul>





Triệu chứng chung	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Thiếu màu sắc	Hình ảnh thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện thao tác tự kiểm tra màn hình.</li> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.</li> </ul>
Màu sắc không đúng	Màu sắc hình ảnh không đẹp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đổi các cài đặt của <b>Preset Modes (Chế độ cài sẵn)</b> trong menu OSD <b>Color (Màu sắc)</b> tùy vào ứng dụng.</li> <li>Chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom (Tùy chỉnh)</b>. <b>Color (Màu sắc)</b> trong menu OSD <b>Color (Màu sắc)</b>.</li> <li>Đổi <b>Input Color Format (Định dạng màu đầu vào)</b> sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD <b>Color (Màu sắc)</b>.</li> <li>Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt tắt màn hình sau vài phút nhàn rỗi. Các tác vụ này có thể được điều chỉnh trong mục Windows Power Options (Tùy Chọn Năng Lượng trên Window) hoặc Mac Energy Saver Setting (Cài Đặt Tiết Kiệm Năng Lượng trên Mac).</li> <li>Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.</li> </ul>

## Sự cố liên quan đến sản phẩm

Vấn đề	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra cài đặt <b>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</b> trong menu OSD <b>Display (Hiển thị)</b>.</li> <li>Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước	Menu OSD không hiển thị trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt màn hình, rút cáp nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.</li> </ul>
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	Không có hình, đèn LED màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li> <li>Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết.</li> <li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.</li> </ul>
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.</li> <li>Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>



<b>Vấn đề</b>	<b>Sự cố gặp phải</b>	<b>Giải pháp khả thi</b>
Không thể hiển thị hình ảnh khi sử dụng kết nối USB Loại C với máy tính và laptop, vân vân.	Màn hình đen	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định xem giao diện USB Loại C của thiết bị có thể hỗ trợ chế độ DP Alternate hay không.</li> <li>• Xác định xem thiết bị có đòi hỏi sạc điện năng trên 45 W hay không.</li> <li>• Giao diện USB Loại C của thiết bị không thể hỗ trợ chế độ DP Alternate.</li> <li>• Chuyển Windows về chế độ Chiếu.</li> <li>• Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng.</li> </ul>
Không sạc khi dùng kết nối USB Loại C với máy tính, máy tính xách tay...	Không sạc pin	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác thực xem thiết bị có thể hỗ trợ một trong 5 cấu hình sạc V/9 V/15 V/20 V hay không.</li> <li>• Xác định xem thiết bị có đòi hỏi sạc điện năng trên 45 W hay không.</li> <li>• Hãy đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được phê duyệt của Dell hoặc bộ chuyển đổi đi kèm sản phẩm.</li> <li>• Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng.</li> </ul>
Sạc ngắt quãng khi dùng kết nối USB Loại C với máy tính, máy tính xách tay...	Gián đoạn sạc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra xem mức tiêu thụ điện năng tối đa của thiết bị có vượt quá 45 W hay không.</li> <li>• Hãy đảm bảo rằng bạn chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được phê duyệt của Dell hoặc bộ chuyển đổi đi kèm sản phẩm.</li> <li>• Đảm bảo cáp của USB Loại C không bị hỏng.</li> </ul>



## Hướng dẫn an toàn

Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, các điều chỉnh hoặc quy trình khác ngoài các hướng dẫn nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến giật điện, các nguy cơ về điện và/hoặc nguy hiểm về máy móc.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Thông tin An toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

## Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại [https://www.dell.com/regulatory\\_compliance](https://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Nếu là khách hàng tại Mỹ, vui lòng gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355)

**📎 LƯU Ý:** Nếu không có bất kỳ kết nối internet nào đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu giao hàng, tờ rơi quảng cáo hoặc catalog sản phẩm Dell.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ sẽ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

**Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:** Vào trang web <https://www.dell.com/support/monitors>.

**Để liên hệ với Dell về các vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:**


- 1 Truy cập <https://www.dell.com/support>.
- 2 Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong trình đơn thả xuống Chọn một Quốc gia/Khu vực ở góc dưới bên phải của trang.
- 3 Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** gần mục quốc gia sổ xuống.
- 4 Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp tùy theo nhu cầu của bạn.
- 5 Chọn cách thức liên hệ với Dell thuận tiện cho bạn.



# Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

S2719DC: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/345627>

## Cài đặt màn hình

 **LƯU Ý:** Khi tất cả các điều kiện đầu ra HDR đều được đáp ứng, độ phân giải đầu vào tối đa 3840 x 2160 có thể được hỗ trợ.

### Cài độ phân giải màn hình sang 2560 x 1440 (tối đa)

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 2560 x 1440 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

#### Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển. Với Windows Vista và Windows 7, bỏ qua bước này.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 2560 x 1440.
- 4 Nhấp **OK**.


#### Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải thả xuống và chọn 2560 x 1440.
- 4 Nhấp vào **Apply**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải khuyên dùng như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn.

## Máy tính Dell

- 1 Truy cập <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
- 2 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1440.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 2560 x 1440, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.



# Máy tính không phải của Dell

## Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển. Với Windows Vista và Windows 7, bỏ qua bước này.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
- 3 Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
- 4 Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
- 5 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v...).
- 6 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <https://www.amd.com> hoặc <https://www.nvidia.com>).
- 7 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1440.

## Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào **Display adapter properties**.
- 4 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, AMD, Intel, v.v...).
- 5 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <https://www.amd.com> hoặc <https://www.nvidia.com>).
- 6 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 2560 x 1440.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyến dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.



# Hướng dẫn bảo dưỡng

## Vệ sinh màn hình



**CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.



**CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

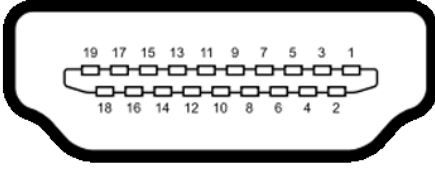
Để thực hành tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hoặc cầm nắm màn hình:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình đặc biệt chuyên dùng cho lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, dung dịch tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



# Cách gán chấu cắm

## Đầu cắm HDMI

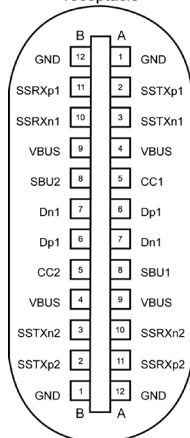


Số chấu cắm	Mặt 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	NGUỒN +5 V
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG



# Đầu cắm USB Loại C

USB Type-C  
receptacle



typically connected to a charger  
through a Type-C cable


Chốt	Gán Tín Hiệu	Chốt	Gán Tín Hiệu
<b>A1</b>	GND	<b>B12</b>	GND
<b>A2</b>	SSTXp1	<b>B11</b>	SSRXp1
<b>A3</b>	SSTXn1	<b>B10</b>	SSRXn1
<b>A4</b>	VBUS	<b>B9</b>	VBUS
<b>A5</b>	CC1	<b>B8</b>	SBU2
<b>A6</b>	Dp1	<b>B7</b>	Dn1
<b>A7</b>	Dn1	<b>B6</b>	Dp1
<b>A8</b>	SBU1	<b>B5</b>	CC2
<b>A9</b>	VBUS	<b>B4</b>	VBUS
<b>A10</b>	SSRXn2	<b>B3</b>	SSTXn2
<b>A11</b>	SSRXp2	<b>B2</b>	SSTXp2
<b>A12</b>	GND	<b>B1</b>	GND






## Buýt nối tiếp đa năng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

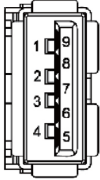
**LƯU Ý:** Lên tới 2 A tại cổng kết nối với thiết bị cá nhân của USB (cổng có dấu  ở biểu tượng pin) với các thiết bị sạc pin tuân thủ Rev. 1.2; lên tới 0,9 A trên các cổng ra khác của USB.

- Một cổng kết nối với máy tính - ở phía sau màn hình.
- Hai cổng kết nối với thiết bị cá nhân - ở phía sau màn hình.  
Cổng sạc pin - cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ khả năng sạc pin nhanh nếu thiết bị tương thích chuẩn BC 1.2.

**LƯU Ý:** Các cổng USB trên màn hình chỉ hoạt động khi màn hình đang được bật hoặc ở chế độ chờ. Ở chế độ chờ, nếu cáp USB (Type-C - Type-C) được cắm, các cổng USB có thể hoạt động bình thường. Ngược lại, cần phải làm theo các hướng dẫn cài đặt USB của OSD, nếu cài đặt là “Bật Khi Đang ở Chế Độ Chờ”, USB sẽ hoạt động bình thường, nếu là cài đặt khác, USB sẽ không hoạt động. Nếu bạn tắt và bật lại màn hình, các thiết bị ngoại vi cắm vào sẽ mất vài giây để hoạt động bình thường trở lại.

Tốc độ truyền	Tốc độ dữ liệu	Tối đa hoá tiêu thụ điện năng (mỗi cổng)
Siêu tốc	5 Gb/giây	4,50 W
Tốc độ cao	480 Mb/giây	2,50 W
Tốc độ tối đa	12 Mb/giây	2,50 W

## Cổng xuôi dòng USB



Số chấu cắm	Tên tín hiệu
1	VBUS
2	D-
3	D+
4	GND
5	StdA_SSRX-
6	StdA_SSRX+
7	GND_DRAIN
8	StdA_SSTX-
9	StdA_SSTX+
Shell	Shield

